TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 269/2020/HS-PT

Ngày: 10/6/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Vỹ, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 170/2020/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo Đàm Minh T, Nguyễn Đắc H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Đàm Minh T**,** giới tính: Nam; Sinh năm 1964, tại: Hà Nội; ĐKHKTT và chỗ ở: H N, phường N, quận H, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Đàm Khái M và bà Tô Thị B (đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Tuyết N và có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/7/2019 đến ngày 12/7/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

2. Nguyễn Đắc H**,** giới tính: N1; Sinh năm: 1963, tại: Hà Nội; ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ D, phường Đ, quận H, TP Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Đắc Đ và bà: Đàm Thị Y (đều đã chết); Có vợ là Phan Thị Thanh H1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày

03/7/2019 đến ngày 12/7/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lĩnh. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H*: Ông Nguyễn Quang T1 - Luật sư Văn phòng L1, Đoàn Luật sư thành phố H.

- *Bị cáo không kháng cáo:* Đinh Văn C, SN 1980, hiện đang chấp hành án tại trại giam N2 – Bộ C2. Có mặt.

* *Người bị hại:* Anh Đoàn Văn T2, sinh năm 1987 và chị Phùng Thị Mai H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn C là Giám đốc Công ty cổ phần T5, có đăng ký ngành nghề buôn bán xe ô tô. Ngày 29/04/2011, Đinh Văn C đến Phòng C3, Công an T6 làm thủ tục cấp đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry 2.0 E và được cấp đăng ký xe ô tô số 079910 ngày 29/4/2011, BKS 29A-20516, mang tên chủ xe là Đinh Văn C. Sau khi được cấp đăng ký xe, C làm thêm 01 đăng ký xe khác bằng cách thuê một cửa hàng in phô tô ở phố L, H, Hà Nội in màu kỹ thuật số. Ngày 04/5/2011 Đinh Văn C và vợ là Đào Thùy L thế chấp chiếc xe ô tô BKS 29A-20516 cho Công ty T7 để vay 700.000.000đ, Công ty T7 chỉ giữ bản chính đăng ký xe ô tô số 079910 ngày 29/4/2011 của xe ô tô BKS 29A-20516, còn giao xe ô tô cho C quản lý sử dụng.

Trong quá trình kinh doanh xe ô tô, C có nợ Đàm Minh T khoảng 650.000.000đ, nên tháng 6/2011 Công điện thoại cho T đến ga ra ô tô của C tại số A, N, T, Hà Nội, giao xe ô tô BKS 29A-20516 cùng Đăng ký xe ô tô giả, chứng minh nhân dân của C và sổ hộ khẩu của gia đình Công bản phô tô công chứng để T bán xe ô tô lấy tiền trừ nợ. C không nói cho T biết đăng ký xe ô tô đó là đăng ký giả. T đem xe ô tô gửi tại nhà Nguyễn Đắc H (là em họ T). Mặc dù biết xe ô tô C đang thế chấp tại Công ty T7 nhưng T vẫn tìm cách bán xe ô tô để trừ nợ. T nói cho H biết chiếc xe ô tô BKS 29A- 20516 là của Đinh Văn C, đang nợ tiền T và giao xe cho T bán lấy tiền trừ nợ. Do không muốn người mua xe biết người đã đứng ra bán xe là ai nên T bàn với H nhờ H giả danh người khác đứng ra bán xe. Do trước đó T nhặt được Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3 - SN 1964 ở thôn S, H, T, Hà Nội, T bảo H đưa ảnh của H để thay vào ảnh của ông T3. T biết anh Đoàn Văn T2 có nhu cầu mua xe ô tô nên ngày T giới thiệu với anh T2 về chiếc xe Camry BKS 29A-20516. Ngày 13/7/2011 anh T2 hẹn gặp T và H tại quán C4 ở thị trấn C, C, tại đây T giới thiệu H chính là ông T3 đã mua xe ô tô của C nhưng chưa sang tên đổi chủ đang

cần bán xe, anh T2 xem xe, giấy tờ xe và hỏi H giá bán. Ngày 16/7/2011 anh T2 điện thoại cho T và H đem xe ô tô về nhà anh T2, tại đây anh T2 và vợ là Phùng Thị Mai H2 cùng H và T thống nhất mua bán xe với giá 935.000.000 đồng và lập "Giấy bán xe", với nội dung: *"Đinh Văn C là chủ xe ô tô BKS 29A-20516 đã bán xe ô tô cho ông Nguyễn Văn T3, ông T3 bán xe ô tô cho bà Phùng Thị Mai H2 với giá 935.000.000đ và giao cho bà H2 xe ô tô, 01 đăng ký xe ô tô số 079910 ngày 29/4/2011, 01 đăng kiểm số 0383524, 01 bảo hiểm số 0696949 và bìa hộ khẩu phô tô của gia đình Đinh Văn C1"*. H ký và viết họ tên dưới mục chủ xe ô tô là Nguyễn Văn T3. Số tiền bán xe ô tô, T cho H 15.000.000đ, số tiền còn lại 920.000.000đ T sử dụng hết.

Ngày 17/7/2011, vợ chồng anh T2 bán xe ô tô BKS 29A-20516 cho ông Đỗ Ngọc T4, trú tại số B, tổ B, phường T, L, Hà Nội với giá 940.000.000đ. Ngày 18/7/2011, ông T4 bán xe ô tô BKS 29A-20516 cho ông Nguyễn Ngọc Đ1, trú tại: Số B, đường H, phường L, B, Hà Nội với giá 1.050.000.000đ. Ông T4 nhờ người soạn thảo Hợp đồng ủy quyền là C1 bán xe ô tô cho ông Đ1 rồi chuyển Hợp đồng ủy quyền cho anh T2 để chuyển cho C1 ký, nhưng anh T2 tự ký vào Hợp đồng ủy quyền rồi chuyển lại cho ông T4, ông T4 nhờ người chuyển Hợp đồng ủy quyền và các giấy tờ xe ô tô đến phòng C5 - tỉnh Vĩnh Phúc, Công chứng viên Lê Văn D - Trưởng phòng đã ký Hợp đồng công chứng số 1946, quyển số 14 ngày 19/7/2011.

Ngày 23/07/2011, sau khi nhận được tố cáo của Công ty T7, Phòng An ninh Kinh tế - Công an T6 đã tiến hành xác minh và thu giữ của ông Đ1 xe ô tô BKS 29A-20516 và 01 đăng ký xe ô tô số 079910 ngày 29/4/2011 và trả xe ô tô cho Công ty T7. Ngày 29/9/2011, chị Đào Thùy L nộp tiền gốc và lãi cho Công ty T7 765.797.640đ, Công ty T7 đã giải chấp, trả xe ô tô BKS 29A-20516 cho chị L, chị L bán xe ô tô cho ông S "không rõ địa chỉ" được 900.000.000đ.

Ngày 03/9/2011, vợ chồng anh T2 trả lại cho ông Đỗ Ngọc T4 940.000.000đ. Ngày 03/9/2011, ông T4 trả lại cho ông Nguyễn Ngọc Đ1 1.050.000.000đ. Ngày 13/3/2012, T trả cho vợ chồng anh T2 935.000.000đ. Hiện anh T2, chị H2, ông T4 và ông Đ1 không yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường.

Tại Bản kết luận giám định số 1555 PC54, ngày 16/8/2011, Phòng PC 54- Công an T6, kết luận: Đăng ký xe ô tô số 079910 cấp ngày 29/4/2011 tên chủ xe; Đinh Văn C, là đăng ký xe ô tô giả được tạo ra bằng phương pháp in màu kỹ thuật số.

Tại Bản kết luận giám định 5040/KLGĐ- PC09(Đ4), ngày 08/8/2019, Phòng K - Công an T8, kết luận: Chữ viết trên "Giấy bán xe" mục chủ xe bán đứng tên Nguyễn Văn T3, đề ngày 16/7/2011, do bà Phùng Thị Mai H2 nộp cho Cơ quan điều tra là chữ viết của Nguyễn Đắc H.

Với hành vi như trên cùng một số hành vi phạm tội khác, tại bản án hình sự sơ thẩm số 383/2015/HSST ngày 30/9/2015, Đinh Văn C đã bị Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử về các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức.

Do có kháng cáo của Đinh Văn C, ngày 17/8/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm ra Bản án số 554/2017/HSPT, xử phạt Đinh Văn C 20 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số 383/2015/HSST ngày 30/9/2015 của Toà án nhân dân TP Hà Nội về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" để điều tra xét xử lại đối với C và khởi tố, điều tra, xét xử bổ sung đối với T và H.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HSST ngày 13 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Bị cáo Đàm Minh T 03 (ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc H 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo C, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/01/2020, bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo Đinh Văn Công n hết trách nhiệm trong việc giao xe ô tô BKS 29A- 205.16 và đăng ký xe ô tô giả cho T bán để lấy tiền trừ nợ mà không nói cho T biết tình trạng chiếc xe cũng như đăng ký xe; Công tỏ thái độ rất ân hận vì hành vi phạm tội của bản thân mà để liên đới đến T và H nên C tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo T và H hưởng án treo. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xác định việc mua bán xe là do hai bên tự nguyện, cả hai bên đều không biết xe có đăng ký giả, ngay sau khi phát hiện đăng ký xe là giả thì bị cáo T đã hoàn trả toàn bộ số tiền mua xe là 935.000.000 đồng cho bị hại nên bị hại không bị thiệt hại gì vì vậy đề nghị Tòa án miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo T và H. Các bị cáo T, H và luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình Đơn đề nghị cho hưởng án treo có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nơi cư trú và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tuổi tác, bệnh tật, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, xem xét đề nghị của Ủy ban nhân dân phường nơi các bị cáo cư trú và đề nghị của bị hại cũng như ý kiến của bị cáo C để cho các bị cáo được hưởng án treo. Đại diện

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đánh giá tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá việc vụ án xảy ra đã gần 10 năm, các bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, sau khi phạm tội luôn cư trú ổn định, chấp hành tốt pháp luật, đánh giá việc hiện nay các bị cáo đều đã lớn tuổi, bệnh tật, ốm đau thường xuyên và hiện không còn nguy hiểm cho xã hội, đánh giá tình tiết người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H thành khẩn khai báo với nội dung như trên. Lời khai của bị cáo T và H phù hợp với lời khai của bị cáo C, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 6/2011, Đinh Văn C giao xe ô tô BKS 29A-20516 (xe đang thế chấp tại Công ty T7) và đăng ký xe ô tô số 079910 ngày 29/4/2011 do C làm giả cho Đàm Minh T để bán lấy tiền trừ vào số tiền C còn nợ T. Mặc dù T biết xe ô tô trên đang thế chấp tại Công ty T7 nhưng T vẫn tìm cách bán xe ô tô; do sợ các con nợ khác của Đinh Văn C đòi chia tiền bán xe, hơn nữa khi khi có khách mua xe thì C đã bỏ trốn nên Đàm Minh T đã lấy ảnh của Nguyễn Đắc H dán vào chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn T3 và nhờ H giả danh là ông T3 bán xe ô tô BKS 29A-20516 cho vợ chồng anh Đoàn Văn T2, chị Phùng Thị Mai H2 để chiếm đoạt số tiền bán xe là 935.000.000đ. Vì vậy cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo C và T, xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đánh giá các bị cáo đều phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng có vai trò không đáng kể để áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo T 03 năm tù, xử phạt bị cáo H 30 tháng tù, là các mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự cũng là phù hợp, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo về việc xin hưởng án treo của các bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ việc bị cáo T muốn bán xe của C và hưởng trọn số tiền bán xe để trừ vào số tiền C còn nợ T; còn bị cáo Nguyễn Văn H3 vì có quan hệ tình cảm gia đình với bị cáo T, nể nang, muốn giúp T bán được xe nên các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đã thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, ngay sau khi bị tố giác các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, trả cho vợ chồng anh T2, chị H2 toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 935.000.000đ nên cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại cấp phúc thẩm, người bị hại là anh Đoàn Văn T2 và chị Phùng Thị M1 có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và H3; ngoài ra xét thấy bố mẹ bị cáo T (ông Đàm Khái M và bà Tô Thị B) đều là cán bộ lão thành cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân, huy chương, bằng khen, giấy khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cấp phúc thẩm sẽ xem xét, áp dụng thêm cho các bị cáo. Xét thấy cả hai bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ (hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự), nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, từ sau khi phạm tội đến nay đã gần 10 năm, các bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối, chính sách pháp luật và cư trú ổn định, thực hiện nghiêm chỉnh các quy định tại địa phương nơi cư trú, được chính quyền địa phương xác nhận và đề nghị phối hợp quản lý và giáo dục; hiện các bị cáo đều đã lớn tuổi, bị bệnh tật, đau yếu thường xuyên, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy việc cho các bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận đề nghị của người bị hại và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về án phí: Các bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đàm Minh T và Nguyễn Đắc H; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 17/2020/HS-ST ngày 13/01/2020 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 17; Điều 58, khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Đàm Minh T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày

tuyên án phúc thẩm, ngày 10/6/2020.

Giao bị cáo Đàm Minh T cho Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đắc H 30 (ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 10/6/2020.

Giao bị cáo Nguyễn Đắc H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Các bị cáo Đàm Minh T, Nguyễn Đắc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển